

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 05/06/2024.

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn.

Hội thẩm nhân dân: Ông Bành Trọng Bình và bà Bùi Thị Kim Dung.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Đức Nguyên Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà Ngụ Lê Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 06 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2024 vụ kiện “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Ngọc H** – sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2/ Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn K** – sinh năm 195.

Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Võ Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2006 tại UBND xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống do tính tình không hợp, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, hạnh phúc không hàn gắn được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Hữu N – sinh ngày 18/6/2006, Nguyễn Duy K – sinh ngày 01/01/2008 và Nguyễn Thị Thanh T – sinh ngày

02/01/2014, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn bà xin được nuôi dưỡng chăm sóc 03 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi có cuộc sống bình thường, không có gì mâu thuẫn, cuộc sống hạnh phúc; việc vợ tôi viết đơn xin ly hôn tôi hoàn toàn không biết, cho đến khi Tòa án thông báo về thì tôi mới biết; hai vợ chồng vẫn đang sống chung và nuôi con ăn học bình thường. Nay vợ tôi xin ly hôn tôi không đồng ý, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:*

Thẩm phán chủ tọa phiên họp, Thư ký phiên họp giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc giải quyết vụ án.

+ *Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

+ *Về việc giải quyết vụ án:*

Căn cứ Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc H, tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên chị Võ Thị Ngọc H ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Văn Hữu N cho anh Khởi trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Duy K, cháu Nguyễn Thị Thanh T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản, công nợ:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Buộc chị Võ Thị Ngọc H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn K đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2006 tại UBND xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trên nguyên tắc tự nguyện, phù hợp pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, lý do mâu thuẫn vợ chồng theo bà Võ Thị Ngọc H đưa ra là do tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng nên bà xin

được ly hôn; ông Nguyễn Văn K cho rằng mâu thuẫn chưa trầm trọng nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Tuy nhiên, qua xem xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng thông qua chính quyền địa phương và cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định hai vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không hàn gắn được hạnh phúc là phù hợp với lời khai của bà H, lý do ông K cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng là không có cơ sở.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn K thuộc tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Ngọc H là có cơ sở nên cần chấp nhận đơn ly hôn của bà H.

[2] *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Hữu N – sinh ngày 18/6/2006, Nguyễn Duy K – sinh ngày 01/01/2008 và Nguyễn Thị Thanh T – sinh ngày 02/01/2014. Tòa án đã triệu tập để tiến hành lấy ý kiến về nguyện vọng của các cháu, tuy nhiên chỉ có cháu Nguyễn Duy K – sinh ngày 01/01/2008 và Nguyễn Thị Thanh T – sinh ngày 02/01/2014 có ý kiến, nguyện vọng xin được ở với mẹ. Đối với cháu Nguyễn Hữu N – sinh ngày 18/6/2006 do cháu không hợp tác nên Tòa án không lấy được ý kiến của cháu N; hiện tại cháu đang đi học nhưng thường ngày nghỉ học thì cháu đi làm thuê cùng với bố là ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hai cháu tên là Nguyễn Duy K – sinh ngày 01/01/2008 và Nguyễn Thị Thanh T – sinh ngày 02/01/2014, xét nguyện vọng của 02 con và xét thấy bà Võ Thị Ngọc H đủ điều kiện để nuôi con, nhằm giữ ổn định cuộc sống cho các cháu, Hội đồng xét xử xét cần để cho bà Võ Thị Ngọc H được nuôi dưỡng và chăm sóc 02 cháu Nguyễn Duy K và cháu Nguyễn Thị Thanh T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Nguyễn Hữu N – sinh ngày 18/6/2006 mặc dù chưa đủ 18 tuổi nhưng hiện cháu cũng đã tự lập, thường ngày đi làm cùng với bố là ông Nguyễn Văn K, tuy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không lấy được ý kiến nguyện vọng của cháu N, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N cho ông Nguyễn Văn K chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi cũng đảm bảo đầy đủ về quyền lợi cho cháu N; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc H về phần nuôi con chung.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Bà Võ Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Vợ chồng không nợ ai nên không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí*: Các đương sự được miễn tiền án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điều 186 và Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc H.

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Võ Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

2/ *Về con chung:* Giao cho bà Võ Thị Ngọc H chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên là Nguyễn Duy K – sinh ngày 01/01/2008 và Nguyễn Thị Thanh T – sinh ngày 02/01/2014 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Giao cho ông Nguyễn Văn K chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Hữu N – sinh ngày 18/6/2006 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3/ *Về cấp dưỡng nuôi con:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4/ *Về tài sản chung:* Bà Võ Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

5/ *Về nợ chung:* Vợ chồng không nợ ai nên không đề cập giải quyết.

6/ *Về án phí:* Bà Võ Thị Ngọc H được miễn tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trả lại chi bà Hiền số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003544 ngày 20/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

7/ *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã I, huyện E;
- Lầu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Bùi Xuân Sơn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Sơn

